

LÊ ĐỨC LUẬN

Giáo trình

VĂN HỌC

DÂN GIẢN

Việt Nam



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Bản quyền © 2017 thuộc Tác giả và độc quyền phát hành theo hợp đồng giữa Trung tâm Kinh doanh Xuất bản và Phát hành sách - Nhà xuất bản ĐHQGHN. Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của Trung tâm Kinh doanh Xuất bản và Phát hành sách đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền quốc tế và Công ước Berne về bản quyền sở hữu trí tuệ.

Vnubooks nơi gửi gắm tương lai, luôn mong muốn nhận được những ý kiến góp ý của Quý độc giả để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách: vnubooks@gmail.com

Liên hệ mua sách: vnubooksha@gmail.com, Website: vnubooks.com

Liên hệ dịch vụ tư vấn, xuất bản, phát hành: vnubooks@gmail.com

PGS.TS. LÊ ĐỨC LUẬN

GIÁO TRÌNH
VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

GIÁO TRÌNH VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM

1. Khái niệm và phạm vi nghiên cứu	11
2. Lịch sử phát triển của văn học dân gian Việt Nam	11
3. Đặc điểm và chức năng của văn học dân gian	14
4. Các thể loại văn học dân gian	17
5. Văn học dân gian và đời sống xã hội	21
6. Văn học dân gian và nghệ thuật	21
7. Văn học dân gian và văn học viết	21
8. Văn học dân gian và văn học hiện đại	21
9. Văn học dân gian và văn học trẻ	21
10. Văn học dân gian và văn học đương đại	21
11. Văn học dân gian và văn học thế giới	21
12. Văn học dân gian và văn học Việt Nam	21
13. Văn học dân gian và văn học Việt Nam hiện đại	21
14. Văn học dân gian và văn học Việt Nam trẻ	21
15. Văn học dân gian và văn học Việt Nam đương đại	21
16. Văn học dân gian và văn học Việt Nam thế giới	21
17. Văn học dân gian và văn học Việt Nam hiện đại	21
18. Văn học dân gian và văn học Việt Nam trẻ	21
19. Văn học dân gian và văn học Việt Nam đương đại	21
20. Văn học dân gian và văn học Việt Nam thế giới	21

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	14
LỜI NÓI ĐẦU.....	15

Phần I

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

1.1. KHÁI NIỆM “VĂN HỌC DÂN GIAN”	17
1.1.1. Các quan niệm về tên gọi văn học dân gian	17
1.1.2. Văn học dân gian là gì?	19
1.1.3. Sự khác nhau giữa VHĐG và văn học viết	20
1.2. THUỘC TÍNH VĂN HỌC DÂN GIAN	23
1.2.1. Tính truyền miệng và tính diễn xướng.....	23
1.2.2. Tính tập thể và tính vô danh.....	27
1.2.3. Tính biến đổi	32
1.3. CHỨC NĂNG VÀ ĐẶC ĐIỂM VĂN HỌC DÂN GIAN	38
1.3.1. Tính đa chức năng và tính nguyên hợp của VHĐG	38
1.3.2. Tính địa phương, tính dân tộc, tính quốc tế	40
TIỂU KẾT	42
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	43

Phần II CÁC THỂ LOẠI THEO PHƯƠNG THỨC KỂ

Chương 1: THẦN THOẠI

1.1. KHÁI LUẬN	44
1.1.1. Khái niệm “thần thoại”	44
1.1.2. Điều kiện hình thành	44
1.2.3. Đặc trưng của thần thoại	45
1.2. NỘI DUNG	46
1.2.1. Nhận thức của con người về thế giới tự nhiên	46
1.2.2. Nhận thức về xã hội và khát vọng chinh phục tự nhiên của con người	49
1.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	52
1.3.1. Đặc trưng nhân vật thần	52
1.3.2. Không gian và thời gian nghệ thuật	54
TIỂU KẾT	55
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	55

Chương 2

TRUYỆN THUYẾT

2.1. KHÁI LUẬN	56
2.1.1. Quan niệm về thể loại truyện thuyết	56
2.1.2. Khái niệm về thể loại truyện thuyết	58
2.1.3. Phân loại truyện thuyết	60
2.2. NỘI DUNG	60
2.2.1. Truyện thuyết suy nguyên về nguồn gốc dân tộc và hình thành nhà nước	60
2.2.2. Truyện thuyết chống xâm lăng	63
2.2.3. Truyện thuyết về phong tục	67
2.2.4. Truyện thuyết về địa danh	67
2.2.5. Truyện thuyết về tín ngưỡng lễ hội và vật thiêng	69
2.2.6. Truyện thuyết nghệ nhân và làng nghề	71
2.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT TRUYỆN THUYẾT	73

2.3.1. Đặc điểm các loại cốt truyện	73
2.3.2. Các biện pháp xây dựng nhân vật	73
2.3.3. Thời gian và không gian nghệ thuật	75
2.3.4. Ngôn ngữ và biểu tượng	76
TIỂU KẾT	76
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	77

Chương 3

TRUYỆN CỔ TÍCH

3.1. KHÁI LUẬN	78
3.1.1. Quan niệm về truyện cổ tích	78
3.1.2. Phân loại	79
3.2. NỘI DUNG	82
3.2.1. Phản ánh nhận thức của con người về tự nhiên và xã hội	82
3.2.2. Tấm gương tài hoa và bài học làm người	85
3.2.3. Thể hiện lí tưởng xã hội của nhân dân	90
3.2.4. Thể hiện tín ngưỡng	99
3.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	101
3.3.1. Đặc điểm các loại nhân vật	101
3.3.2. Cốt truyện	105
3.3.3. Đặc điểm ngôn ngữ và biểu tượng	106
3.3.4. Không gian và thời gian nghệ thuật	108
3.3.5. Các biện pháp nghệ thuật	109
TIỂU KẾT	111
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	112

Chương 4

TRUYỆN NGỤ NGÔN

4.1. KHÁI LUẬN	113
4.1.1. Khái niệm về “truyện ngụ ngôn”	113
4.1.2. Nguyên nhân ra đời của truyện ngụ ngôn	114

4.1.3. Phân biệt ngụ ngôn với cổ tích và truyện cười	114
4.2. NỘI DUNG	117
4.2.1. Bài học nhận thức.....	117
4.2.2. Bài học về lối sống.....	118
4.2.3. Bài học về quan hệ xã hội.....	119
4.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT.....	120
4.3.1. Đặc điểm nhân vật ngụ ngôn	120
4.3.2. Cốt truyện ngụ ngôn.....	121
4.3.3. Ngôn ngữ ngụ ngôn	121
4.3.4. Phương pháp tỉ dụ.....	122
TIỂU KẾT	123
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	123

Chương 5

TRUYỆN CƯỜI VÀ GIAI THOẠI

5.1. KHÁI LUẬN	124
5.1.1. Khái niệm “truyện cười”.....	124
5.1.2. Giới thuyết về giai thoại	127
5.1.3. Phân biệt truyện cười và giai thoại	129
5.2. NỘI DUNG TRUYỆN CƯỜI VÀ GIAI THOẠI	130
5.2.1. Tiếng cười khôi hài.....	130
5.2.2. Tiếng cười trào phúng	131
5.2.3. Ca ngợi nhân vật tài trí	135
5.2.4. Đả kích vua quan phong kiến bất tài, thói nát	137
5.2.5. Đùa cợt, chế giễu quan lại và những người có thói xấu	138
5.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	140
5.3.1. Đặc trưng nhân vật truyện cười và giai thoại	140
5.3.2. Cốt truyện cười và giai thoại	142
5.3.3. Các biện pháp nghệ thuật	144
TIỂU KẾT	146
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	146

Phần III
CÁC THỂ LOẠI THEO PHƯƠNG THỨC HÁT NÓI

Chương 1

CÂU ĐỐ

1.1. KHÁI LUẬN	147
1.1.1. Khái niệm “Câu đố”	147
1.1.2. Đặc trưng thể loại	150
1.1.3. Phân loại	150
1.2. NỘI DUNG	150
1.2.1. Khám phá, nhận thức đặc điểm, thuộc tính của sự vật và hiện tượng tự nhiên	150
1.2.2. Khám phá, nhận thức về con người và xã hội	159
1.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	167
1.3.1. Các cách tiếp cận sự việc, hiện tượng	167
1.3.2. Cấu tạo câu đố	171
1.3.3. Phương thức tu từ	172
TIỂU KẾT	173
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	173

Chương 2

TỤC NGŨ

2.1. KHÁI LUẬN	174
2.1.1. Khái niệm “tục ngữ”	174
2.1.2. Phân biệt tục ngữ với thành ngữ và ca dao	175
2.2. NỘI DUNG	178
2.2.1. Kinh nghiệm về dự báo thời tiết và lao động sản xuất	178
2.2.2. Nhận xét về đặc điểm xã hội và gia đình	182
2.2.3. Nhận xét về văn vật, nhân sinh	184
2.2.4. Phản ánh phong tục, tập quán	186
2.2.5. Tính triết luận trong tục ngữ	188
2.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	193
2.3.1. Quá trình tạo nghĩa của tục ngữ	193

2.3.2. Các biện pháp tạo nghĩa	195
2.3.3. Kết cấu	197
2.3.4. Vấn	198
2.3.5. Nhịp điệu.....	200
2.3.6. Đối ứng.....	201
TIỂU KẾT	202
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU	203

Chương 3 **DÂN CA - CA DAO**

3.1. KHÁI LUẬN.....	204
3.1.1. Khái niệm “dân ca”	204
3.1.2. Các loại dân ca.....	206
3.1.3. Khái niệm “ca dao”	219
3.2. NỘI DUNG CA DAO	220
3.2.1. Ca dao về tình yêu lao động sản xuất.....	220
3.2.2. Ca dao về tình yêu quê hương đất nước.....	223
3.2.3. Ca dao tình yêu lứa đôi	226
3.2.4. Ca dao tình yêu gia đình	233
3.2.5. Ca dao bông đùa, trào phúng	236
3.2.6. Văn hóa ẩm thực trong ca dao	237
3.2.7. Ca dao về lịch sử, xã hội.....	243
3.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT.....	252
3.3.1. Đặc điểm nghệ thuật của các thể thơ	252
3.3.2. Ngôn ngữ	257
3.3.3. Các biện pháp nghệ thuật	258
3.3.4. Nhân vật, dạng thức và biểu tượng.....	260
3.3.5. Không gian và thời gian nghệ thuật	262
KẾT LUẬN	265
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	266

Chương 4

VÈ, ĐỒNG DAO

4.1. KHÁI LUẬN	267
4.1.1. Khái niệm về	267
4.1.2. Khái niệm “đồng dao”	269
4.1.3. Phân loại về	270
4.2. NỘI DUNG VÈ VÀ ĐỒNG DAO	271
4.2.1. Nội dung về	271
4.2.2. Nội dung đồng dao	282
4.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT CỦA VÈ VÀ ĐỒNG DAO	288
4.3.1. Phương thức phản ánh hiện thực	288
4.3.2. Đặc điểm ngôn ngữ trần thuật	290
4.3.3. Vấn và nhịp điệu	291
4.3.4. Kết cấu	295
TIỂU KẾT	297
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	298

Phần IV

CÁC THỂ LOẠI DIỄN XƯỞNG TỔNG HỢP

Chương 1

SỬ THI

1.1. KHÁI LUẬN	299
1.1.1. Khái niệm sử thi	299
1.1.2. Phân loại sử thi	300
1.1.3. Diện mạo những sử thi điển hình	301
1.2. NỘI DUNG SỬ THI	303
1.2.1. Ca ngợi người anh hùng	303
1.2.2. Phản ánh đặc điểm lịch sử xã hội	306
1.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT	313
1.3.1. Đặc điểm nhân vật anh hùng	313

1.3.2. Không gian và thời gian nghệ thuật	317
1.3.3. Ngôn ngữ sử thi.....	317
TIỂU KẾT	320
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	321

Chương 2

TRUYỆN CA

2.1. KHÁI LUẬN	322
2.1.1. Quan niệm về tên gọi	322
2.1.2. Khái niệm “truyện ca”	323
2.2. NỘI DUNG TRUYỆN CA	324
2.2.1. Nỗi đau tình yêu và khát vọng hạnh phúc.....	324
2.2.2. Thân phận cực nhọc đau thương của những người cùng khổ.....	328
2.2.3. Quá trình khám phá và xây dựng đất mới.....	330
2.3. ĐẶC TRƯNG NGHỆ THUẬT.....	331
2.3.1. Đặc điểm các loại nhân vật	331
2.3.2. Thời gian và không gian nghệ thuật	332
2.3.3. Ngôn ngữ truyện ca.....	333
TIỂU LUẬN	335
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	336

Chương

CHÈO SÂN ĐÌNH

3.1. KHÁI LUẬN	337
3.1.1. Khái niệm “chèo”.....	337
3.1.2. Nguồn gốc và quá trình phát triển.....	338
3.2. NỘI DUNG	340
3.2.1. Thể hiện thân phận của người phụ nữ.....	340
3.2.2. Đề cao tinh nghĩa, phê phán lối sống vô nhân.....	342
3.3. PHƯƠNG THỨC NGHỆ THUẬT KỊCH BẢN VÀ SÂN KHẤU CHÈO	342
3.3.1. Nghệ thuật kịch bản chèo.....	342
3.3.2. Phương thức nghệ thuật sân khấu chèo	347

TIỂU LUẬN	356
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	356

Chương 4

TƯỚNG

4.1. KHÁI LUẬN	357
4.1.1. Phân loại	357
4.1.2. Đặc trưng thể loại.....	357
4.1.3. Nguồn gốc và lịch sử phát triển tuồng	360
4.2. NỘI DUNG KỊCH BẢN TƯỚNG ĐỒ.....	362
4.2.1. Tư tưởng yêu nước chống xâm lăng	362
4.2.2. Tinh thần nhân đạo, nhân văn cao cả	363
4.2.3. Bức tranh xã hội phong kiến.....	365
4.3. NGHỆ THUẬT KỊCH BẢN VÀ SÂN KHẤU TƯỚNG	368
4.3.1. Phương thức xây dựng kịch bản tuồng	368
4.3.2. Ngôn ngữ văn học của tuồng.....	368
4.3.3. Từ tính ước lệ đến mô hình khái quát.....	370
4.3.4. Phương thức diễn của tuồng	372
4.3.5. Âm nhạc tuồng.....	377
TIỂU KẾT	380
HƯỚNG DẪN HỌC TẬP NGHIÊN CỨU	380
KẾT LUẬN VỀ VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM	381
TÀI LIỆU THAM KHẢO	384
INDEX	391

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Ca dao Nam Định	CDNB
Nhà xuất bản	Nxb
Giáo sư, phó giáo sư	GS. PGS
Sách đã dẫn	Sđd
Kho tàng ca dao người Việt	KTCĐNV
Thành phố Hồ Chí Minh	TP. HCM
Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam	TN, CD, DCVN
Văn học dân gian	VHDG
Văn học dân gian Quảng Bình	VHDG - QB
Trang	tr.

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học dân gian Việt Nam là một môn học mở đầu cho ngành văn học Việt Nam. Ngành văn học Việt Nam có 3 phần: văn học dân gian, văn học trung đại và văn học hiện đại. Văn học dân gian là dòng văn học nền tảng, cội nguồn của văn học trung đại và văn học hiện đại. Những tác giả, tác phẩm của văn học trung đại và văn học hiện đại có giá trị nội dung và nghệ thuật, nổi tiếng trong nước và quốc tế như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Chí Minh, Xuân Diệu, Nguyễn Bính... đều ít nhiều học tập từ văn học dân gian.

Giáo trình này, chúng tôi cố gắng có cái nhìn xuyên suốt, hòa kết, hợp nhất văn học dân gian người Việt Kinh và văn học dân gian các dân tộc thiểu số anh em. Các tác phẩm văn học dân gian được đưa vào nội dung giáo trình chủ yếu là văn học dân gian cổ truyền thời cổ đại và trung đại còn văn học dân gian hiện đại chưa đưa vào vì chưa đủ thời gian để nhân dân sàng lọc, kiểm nghiệm.

Giáo trình gồm bốn phần, phần I nêu những đặc trưng chung của văn học dân gian; phần II, III, IV là phân tích những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của các thể loại văn học dân gian. Chúng tôi chia các thể loại văn học dân gian theo chức năng diễn xướng. Phần II trình bày đặc trưng nội dung và nghệ thuật của các thể loại truyện kể dân gian. Phần III trình bày đặc trưng nội dung và nghệ thuật của các thể loại hát nói. Phần IV trình bày đặc trưng nội dung và nghệ thuật của các thể loại diễn xướng tổng hợp.

Chúng tôi cố gắng biên soạn giáo trình văn học dân gian với một khối lượng tri thức phổ quát cho tất cả sinh viên các ngành văn học, văn hóa học, Việt Nam học... Vì vậy giáo trình này có phần chuyên

sâu, có phần giới thiệu khái quát để sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn có thể vận dụng cho mình tùy theo ngành học. Đây là môn học mà chúng tôi đam mê, theo đuổi nghiên cứu và biên soạn từ những năm 80 của thế kỉ XX cho đến nay. Kiến thức văn học dân gian được đưa vào giáo trình đã được cập nhật liên tục từ các thành quả nghiên cứu của các nhà folklore Việt Nam và thế giới.

Văn học dân gian không chỉ là văn học mà còn là nghệ thuật dân gian, là văn hóa dân gian, là bách khoa toàn thư của nhân dân. Nó có tính nguyên hợp và đa chức năng nên một tác phẩm văn học dân gian có thể có nhiều thông điệp, nhiều ý thức hệ nên việc phân chia rạch ròi mỗi tác phẩm dân gian vào một thể loại cụ thể là khó khả quan. Điều này dẫn đến những ý kiến không đồng nhất, thậm chí đối lập giữa các nhà nghiên cứu folklore. Chúng tôi cố gắng nêu ra những vấn đề căn bản nhất trên cơ sở tham khảo những quan điểm của các nhà nghiên cứu tiền bối.

Giáo trình của chúng tôi có thể có những vấn đề không đồng nhất với một số giáo trình văn học dân gian khác. Sự khác biệt này chủ yếu do giáo trình chúng tôi đi sau nên có thời gian nhìn lại, cập nhật những nghiên cứu mới mà các giáo trình ra đời trước chưa có. Giáo trình chắc chắn không tránh khỏi một số thiếu sót nhất định, chúng tôi mong các nhà nghiên cứu, nhà giáo dục, sinh viên góp ý kiến để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn. Giáo trình ra đời nhờ sự góp ý của đồng nghiệp tổ văn học Việt Nam và giúp đỡ tận tình, có hiệu quả của Khoa Ngữ văn và của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng. Đặc biệt, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ và góp ý quý báu của GS.TS. Nguyễn Xuân Kính, PGS.TS. Nguyễn Phong Nam, TS. Nguyễn Thanh Trường, TS. Bùi Bích Hạnh để giáo trình này được hoàn thành.

TÁC GIẢ

Phần I

ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC DÂN GIAN

1.1. KHÁI NIỆM “VĂN HỌC DÂN GIAN”

1.1.1. Các quan niệm về tên gọi văn học dân gian

Văn học dân gian Việt Nam hình thành, phát triển theo tiến trình hình thành, phát triển của dân tộc từ khi xã hội chưa có chữ viết cho đến ngày nay và mãi về sau. Nhân dân gọi những sáng tác dân gian bằng những tên nôm na: chuyện đời xưa, câu hát, câu hò như hát phường vải, hát giặm, hát quan họ, hò khoan, hát ru, hát gheo, vè, câu đố... Nhưng tên chung để gọi nó thì chưa có. Các nhà nghiên cứu văn hóa, văn học ở nước ta đã tìm cách định danh cho nó bằng những tên gọi khác nhau: văn học (hay văn chương) truyền miệng (truyền khẩu) để phân biệt với văn học viết trên phương diện sáng tác và lưu truyền; văn chương bình dân (hay văn học đại chúng) để phân biệt với văn chương bác học trên phương diện chủ thể sáng tạo. Thực ra, gọi Văn học dân gian (VHGD) là văn học bình dân và văn học viết là văn học bác học cũng chưa thật thoả đáng. Những người tham gia sáng tác những tác phẩm dân gian không chỉ là những người bình dân mà còn có các nhà nho. Về chất lượng tác phẩm thì có nhiều sáng tác dân gian là mẫu mực cho sáng tác của văn học viết noi theo. Khái niệm “dân gian” được hiểu là không gian nhân dân, nghĩa là VHGD là văn học ra đời và lưu truyền trong không gian, môi trường nhân dân. Vì thế, có thể gọi *VHGD là Văn học cộng đồng*.

Thuật ngữ VHGD được các nhà nghiên cứu văn học sử dụng từ đầu những năm 50 của thế kỷ XX. Vũ Ngọc Phan còn gọi là *dân gian*

văn học. Các thuật ngữ trên vẫn chưa khái quát đầy đủ bản chất của sáng tác dân gian. Các nhà nghiên cứu văn học trên thế giới có xu hướng dùng thuật ngữ *folklore*¹. (Tiếng Anh: folk: nhân dân, lore: trí khôn, trí tuệ). Thuật ngữ *folklore* được hiểu theo 3 cách:

- *Folklore* là toàn bộ những sáng tác có tính chất nghệ thuật của nhân dân trong mọi thời đại tương đương với thuật ngữ văn nghệ dân gian hoặc nghệ thuật dân gian. Quan niệm này thịnh hành ở các nước xã hội chủ nghĩa. Theo GS. Trần Quốc Vương: “Nói folklore Việt Nam là nói tổng thể mọi sáng tạo, mọi thành tựu văn hoá của dân gian ở mọi nơi, mọi thời, của mọi thành phần dân tộc... Sáng tạo dân gian bao trùm mọi lĩnh vực đời sống, từ đời sống làm ăn thường ngày (ăn, mặc, ở, đi lại) đến đời sống ăn chơi buông xả (thể thao dân gian) hát hò... đến đời sống tâm linh...”². Folk literature and art.

- *Folklore* là toàn bộ những biểu hiện của ý thức dân gian còn lưu truyền trong những hình thức cổ truyền dân gian. Như vậy *folklore* tương đương với khái niệm “văn hóa dân gian”. Nghĩa là *folklore* là folk culture. Quan niệm này thịnh hành ở các nước Âu Mỹ.

- *Folklore* là loại hình nghệ thuật mang tính nguyên hợp. Tác phẩm VHDG không chỉ là sáng tác ngôn từ thuần túy mà nó còn kết hợp nhạc, điệu bộ và các hình thức diễn xướng. Tính nguyên hợp còn thể hiện ở tính đa chức năng. Nó không chỉ là nghệ thuật biểu diễn dân gian mà còn là nghệ thuật tạo hình, hội họa, điêu khắc. Như vậy, *folklore* chỉ một loại hình nghệ thuật mà ngôn từ là yếu tố cơ bản nhưng không phải duy nhất, không chỉ có chức năng giáo dục, nhận thức mà còn có chức năng thực hành: *folklore*

¹ Thuật ngữ *Folklore* nhà nhân chủng học người Anh tên là Uylliam Giôn Tôm (bút danh là A. Mec ton) đưa ra lần đầu tiên trong bài báo khoa học. *Folklore* dùng để chỉ những di tích của nền văn hóa vật chất.

² Trần Quốc Vương, “Folklore Việt Nam, trữ lượng và viễn cảnh”, *Văn hoá Nghệ thuật*, số 5/1990.

1.1.2. Văn học dân gian là gì?

Thực ra tên gọi VHĐG chưa phản ánh được bản chất của những sáng tác dân gian. Gọi VHĐG chỉ để phân biệt với văn học viết về chủ thể sáng tác và hình thức biểu hiện. Một bên, VHĐG do nhân dân lao động sáng tác và lưu truyền bằng miệng. Một bên, văn học viết do cá nhân nhà văn sáng tác, lưu truyền bằng hình thức xuất bản, ấn phẩm chữ viết hoặc chữ in. Thuật ngữ VHĐG không phản ánh được tính nguyên hợp và tính đa chức năng của loại hình nghệ thuật này. Folklore tương ứng với thuật ngữ văn hóa dân gian thì quá rộng, dù loại hình này thể hiện ý thức dân gian nhưng nó dựa vào nền tảng là ngôn từ khác với các loại hình nghệ thuật khác tạo thành văn hóa dân gian như kiến trúc dân gian (chất liệu là các vật liệu vật chất bằng gỗ, đá ...), hội họa dân gian (chất liệu là mực, màu), âm nhạc dân gian (chất liệu là âm thanh, các kí tự, nốt nhạc)...

Folklore chỉ tương ứng với văn nghệ dân gian là hợp lý. Nó phản ánh một loại hình nghệ thuật không chỉ bằng nghệ thuật ngôn từ mà còn là nghệ thuật biểu diễn với các yếu tố: nhạc, kịch, tạo hình... Văn nghệ dân gian là loại hình nghệ thuật tương đối gần gũi và có quan hệ mật thiết với văn hóa dân gian. Một mặt nó là một loại hình nghệ thuật của văn hóa dân gian, mặt khác nó mang trong mình nhiều loại hình của văn hóa dân gian như: vũ đạo, ca nhạc, tạo hình, ẩm thực, tín ngưỡng, phong tục tập quán... Mặc dù vậy, chúng tôi dùng thuật ngữ VHĐG để đặt nó trong hệ thống các sáng tác bằng ngôn từ và khi nghiên cứu, giảng dạy loại hình nghệ thuật này chủ yếu ở phương diện nghệ thuật ngôn từ. Dùng tên gọi VHĐG chính là folklore ngữ văn.

Phạm vi nội hàm folklore, theo Nguyễn Tất Đắc: "Folklore bao gồm toàn bộ tri thức, sáng tạo và cách ứng xử của con người trước và ngoài dòng văn học chính thống của quốc gia, sách vở trường học và công nghiệp khoa học"¹. Đây là hướng tiếp cận folklore theo hướng *nhân học văn hoá*. Đối với folklore ngữ văn, có thể hiểu là tất cả những sáng tác chưa được in ấn, truyền bá một cách chính thống

¹ Nguyễn Tất Đắc, "Nội dung của folklore", *Văn hoá dân gian*, số 4/1987.

đang lưu truyền trong dân chúng, nó có thể ra đời trước và cùng đồng thời với dòng văn học chính thống bất kể tác giả của nó xuất thân từ thành phần nào. Như vậy là không có sự phân biệt bác học và dân gian mà là phân biệt dòng văn học chính thống và văn học không chính thống. Folklore ngữ văn vừa là phần lời của diễn xướng dân gian vừa là sản phẩm độc lập có thể làm ngôn liệu cho diễn xướng dân gian.

Như vậy, Văn học dân gian là phần lời của văn nghệ dân gian, một loại hình nghệ thuật mang tính nguyên hợp, trong đó nghệ thuật ngôn từ đóng vai trò quan trọng và luôn luôn gắn liền với các thành tố nghệ thuật khác của nghệ thuật biểu diễn dân gian. Mặt khác, khi dòng văn học viết ra đời, nó là dòng văn học không chính thống luôn song hành với văn học viết, làm ngôn liệu cho các hoạt động diễn xướng dân gian.

1.1.3. Sự khác nhau giữa VHĐG và văn học viết

Tuy giữa VHĐG và văn học viết cũng là “văn học” nhưng giữa chúng có sự khác nhau rõ rệt. Sự khác nhau đó trên 4 bình diện: chủ thể sáng tác, chất liệu xây dựng, chức năng và hình thái ý thức xã hội.

- Về chủ thể sáng tác: Điều này tưởng chừng như đã khá rõ, một bên là tập thể và một bên là cá nhân. Tuy nhiên nếu đối lập tuyệt đối giữa cá nhân và tập thể thì sẽ không đúng. Trong sáng tác dân gian, không có một tập thể chung chung, tập thể phải bắt nguồn từ cá nhân và một nhóm cá nhân sáng tác. Một tác phẩm dân gian khởi nguồn từ một cá nhân hoặc một nhóm cá nhân rồi lưu truyền trong dân gian. Trong quá trình lưu truyền, nhân dân tham gia sáng tác lại rồi trở thành tài sản chung của tập thể. Khái niệm nhân dân ở đây không chỉ là nhân dân lao động trực tiếp mà cả những người trí thức bình dân, những nhà hoạt động tôn giáo và sau này có thêm lực lượng thợ thủ công, công nhân, trong đó lực lượng nông dân vẫn là chủ đạo.¹Tuy nhiên cũng có những sáng tác ban đầu đã tuyệt tác nên hầu như

¹ Nguyễn Xuân Kính, *Một nhận thức về văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2012, tr. 35 - 39.

nó không cần sáng tác lại, nhân dân sử dụng nguyên xi. Thậm chí, những sáng tác có tác giả nhưng vì nó không được ghi tên, không được xuất bản, in ấn nên đã thành dân gian hóa. Như vậy dấu ấn cá nhân trong sáng tác dân gian là không thể phủ nhận. Mà cá nhân thì ít nhiều chịu ảnh hưởng của điều kiện lịch sử, địa lý, văn hóa chi phối. Chính vì thế mà ngoài tính chất, phong cách chung, phong cách dân gian Việt Nam còn có phong cách vùng, miền, địa phương. Mọi người đều thừa nhận dân ca Quan họ Bắc Ninh khác với dân ca Nghệ Tĩnh, dân ca Bình Trị Thiên, dân ca Nam Trung Bộ... Ca dao miền Bắc khác với ca dao miền Trung và miền Nam. Tuy nhiên cho đến nay, việc phân vùng VHĐG và nghiên cứu phong cách VHĐG vùng vẫn chưa được các nhà folklore quan tâm đúng mức. Người đề xướng cho vấn đề này là PGS. Hoàng Tiến Tựu. Tác giả cho rằng việc phân vùng VHĐG căn cứ vào phong cách hay sắc thái riêng của VHĐG từng vùng, căn cứ thứ hai là sự tương đồng về mặt ngôn ngữ, căn cứ thứ ba dựa vào hoàn cảnh lịch sử, địa lý, phong tục, tín ngưỡng, nói chung là đời sống văn hóa của nhân dân¹.

Như vậy, cần phải thấy mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong sáng tác dân gian chứ không nên nghĩ rằng tác phẩm VHĐG do tập thể sáng tác mà quên đi, thậm chí không hề nghĩ đến vai trò của cá nhân. Cá nhân tạo nên tập thể, tập thể cá nhân của vùng nào tạo nên phong cách dân gian của vùng ấy.

- Về chất liệu xây dựng: Chất liệu của VHĐG là lời nói và văn học viết, là lời văn cùng chung là thành phần ngôn từ, nhưng ở VHĐG, chất liệu là lời nói nên luôn luôn thay đổi, không ổn định. Ngược lại, văn học viết, chất liệu là lời văn được cố định thành chữ viết, văn bản in ấn nên nó định hình và ổn định. Đặc biệt lời nói trong VHĐG không phải là lời nói thường, lời nói tự nhiên hằng ngày mà là lời nói nghệ thuật gắn liền với điệu bộ động tác nên yếu tố ý nghĩa ngoài lời lại rất lớn, thường là hàm ngôn nên tác phẩm văn học dân gian chỉ

¹ Hoàng Tiến Tựu, *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy, nghiên cứu văn học dân gian*, Nxb Giáo dục, H. 1983.